

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Gò Công Đông, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trương Thị Út Mỹ**.

3. Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Vĩnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoàng Phúc**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim N**, sinh năm 1992.(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã GT, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1990.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã TP, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 17/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Kim N trình bày:

Chị và anh H kết hôn và sống chung từ năm 2012, đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện Gò Công Đông. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh H bỏ đi từ tháng 4 năm 2018 đến nay không về, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác bị chị phát hiện, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng không có hàn gắn trao đổi tình cảm, hiện tại không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Trần Anh H1, sinh ngày 03/9/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Huy, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Phạm Văn H đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kim N.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim N, cho chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Phạm Văn H, giao con chung tên Phạm Trần Anh H1 cho chị N nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng do chị N không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Trần Thị Kim N có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Văn H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã GT, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2012, quyền số 02/2010 ngày 17/10/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Trần Thị Kim N cho rằng quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay không về, ngoài ra anh H có quan hệ với người phụ nữ khác bị chị N phát hiện, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ngoài ra biên bản xác minh ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xác minh ông Trương Trí T là trưởng ấp 8, xã TP cho biết do chị N và anh H đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nên ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn của chị N và anh H cũng như không biết ai có điều kiện nuôi con”.

[4] Bị đơn Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Văn H sống ly thân từ năm 2018 đến nay do anh H bỏ nhà đi và anh H có quan hệ với người phụ nữ khác; anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng; giữa chị Trần Thị Kim N và anh Phạm Văn H không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc,

giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị Trần Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Trần Anh H1, sinh ngày 03/9/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Huy, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

[7] Xét, anh Phạm Văn H cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị N nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trần Anh H1 của chị N, là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim N không yêu cầu anh Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Kim N trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trần Anh H1, sinh ngày 03/9/2013 cho chị Trần Thị Kim N nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018491 ngày 24/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã GT, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An

